Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất	Logo không bắt buộc
Tên hóa chất hoặc tên sản phẩm FERROUS SULFATE- $FeSO_4$	
Số CAS: 7782 - 63 - 0 Số UN: Không có thông tin Số đăng ký: Không có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): UN: Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có): không có thông tin	

PHẦN I: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: Sắt Sulfate	**Tên nhà Phân phối:** **Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup**
- Tên thương mại: Sắt Sulfate Heptahydrate	
- Tên khác (không là tên khoa học): Iron (II) sulfate	
- Mục đích sử dụng: nguyên liệu sản xuất một số phân bón, sx công nghiệp, xử lí nước,..	**Địa chỉ liên hệ:** A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP HCM **Điện thoại:** 0898.517.996

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sắt sulfate	7782-63-0	$FeSO_4.7H_2O$	98% min

PHẦN III: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm:

Phân loại nguy hại theo UN:

2. Cảnh báo nguy hiểm :

- Không cháy.
- Nguy hiểm nếu nuốt phải, có thể gây ảnh hưởng tới thận.
- Chất này có thể bị hấp thụ vào cơ thể qua đường hô hấp và qua đường tiêu hóa.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có thể gây dị ứng mắt.
- Đường thở: Có thể gây dị ứng cho hệ hô hấp
- Đường da: Có thể gây dị ứng da
- Đường tiêu hóa: Nếu nuốt phải một lượng lớn có thể gây dị ứng dạ dày.

PHẦN IV: BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):

Trước hết rửa bằng nhiều nước trong vài phút (tháo kính áp tròng nếu dễ dàng), sau đó đưa đi Bác sỹ...

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):

Lột quần áo bị nhiễm hóa chất, rửa và sau đó rửa da bằng nước xà phòng....

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí):

Thoáng khí, nghỉ ngơi ở tư thế dựng nửa người. Tham khảo ý kiến thầy thuốc.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất):

Tham khảo ý kiến thầy thuốc.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

PHẦN V: BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy: Không cháy.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Oxit lưu huỳnh, oxit sắt.

3. Các tác nhân gây cháy, nổ: Tia lửa, tĩnh điện, hút thuốc,...

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Bột, bọt bền cồn, nhiều nước, carbon dioxide.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nếu cháy, mặc quần áo và găng tay bảo hộ, thiết bị thở dưỡng khí.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có): Không có thông tin

PHẦN VI: BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ

Hút chân không hoặc quét hóa chất rơi vãi vào thiết bị chứa thích hợp.

2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng:

Sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết để thu gom và dọn sạch phần hóa chất rơi vãi vào thiết bị chứa thích hợp, tránh tạo bụi, tạo môi trường thoáng khí.

PHẦN VII: YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:

Sử dụng bảo hộ lao động giảm tối thiểu lượng bụi có thể phát sinh. Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác với hóa chất. Giặt giũ cẩn thận bảo hộ sau khi làm việc với hóa chất.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản:

Bảo quản trong thùng chứa kín, đặt tại nơi khô ráo, thoáng gió tránh xa các chất không tương thích, tránh ánh sáng mặt trời.

PHẦN VIII: TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết:

Thông gió hoặc các biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời gian làm việc.,

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
- Bảo vệ thân thể: quần áo bảo hộ
- Bảo vệ tay: găng tay bảo hộ
- Bảo vệ chân: đi ủng

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
- Bảo vệ thân thể: quần áo bảo hộ
- Bảo vệ tay: găng tay bảo hộ
- Bảo vệ chân: đi ủng
- Thiết bị thở dưỡng khí

4. Các biện pháp vệ sinh:

Tắm rửa, vệ sinh sạch sẽ ngay sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hóa chất. Phải có chỗ rửa mắt, thuốc hay thiết bị tẩy rửa, gần khu vực, dán kí hiệu cảnh báo nguy hiểm.

PHẦN IX: ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất rắn	Điểm sôi: 300 ^{0}C ở 760
Màu sắc: Mầu xanh da trời - xanh lá cây	Điểm nóng chảy: 64 ^{0}C
Mùi đặc trưng: Không mùi	Nhiệt phân hủy > 300 ^{0}C
pH dung dịch 5%: 3-5	Độ tan trong nước ở 50 ^{0}C: 48,6 g/100g
Áp suất hơi: Không áp dụng	Tỷ trọng riêng: 1.898
Tỷ trọng hơi: không áp dụng	Khối lượng phân tử: 287,01
Tốc độ bay hơi: không đáng kể	

PHẦN X: MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...) :

Bền ở điều kiện nhiệt độ trong phòng thiết bị chứa. Oxi hóa trong môi trường không khí tạo lớp vỏ $Fe_2(SO_4)_3$ mầu nâu.

2. Khả năng phản ứng:

Phản ứng mạnh với các chất oxi hóa mạnh, bazơ, chì acetat...

PHẦN XI: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
$FeSO_4.7H_2O$	LD50	1520 mg/kg	Tiêu hóa	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư,độc sinh sản, biến đổi gen):

Hợp chất này ăn mòn đối với mắt, da và phế nang. Chất này có thể gây tác động đến hệ thần kinh trung ương.

2. Các ảnh hưởng độc khác: Chưa có thông tin

PHẦN XII: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
$FeSO_4.7H_2O$	Chưa có thông tin		

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: chưa có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: chưa có thông tin

PHẦN XIII: YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): chưa có thông tin

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải : Chưa có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy: chưa có thông tin

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: chưa có thông tin

PHẦN XIV: YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: -13/2003/NĐ-CP -29/2005/NĐ-CP -02/2004/TT-BCN						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...		IRON (II) SULFATE HAPTAHYDRATE	Phân loại nguy hiểm theo UN:	25kg/bao	IRON (II) SULFATE HAPTAHYDRATE	

PHẦN XV: QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo):

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: Không có thông tin

PHẦN XVI: THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC:
Ngày tháng biên soạn phiếu: 02/01/2023
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

HOA VIỆT
Chemgroup